

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC THEO DỰ ÁN - MỘT HƯỚNG TIẾP CẬN TRONG VIỆC CHO TRẺ MẦM NON LÀM QUEN TIẾNG ANH

HOÀNG THU HIỀN*

Ngày nhận bài: 02/08/2017; ngày sửa chữa: 03/08/2017; ngày duyệt đăng: 04/08/2017.

Abstract: The project "Teaching and learning foreign languages in the national education system period 2008 - 2020" approved by the Prime Minister had proved the significance of teaching and learning foreign languages, including English for Vietnam in current period. Recently, English has been paid much attention not only at higher education and general education, but also in preschool level. However, approach and methods of teaching English at preschools has not met the requirements of the society. In this article, author suggests project-based learning as the effective method applied widely in many countries and application in teaching English at preschools in Vietnam with aim to improve quality of learning English at preschools.

Keywords: Preschool children, project-based learning, English, learning environment.

1. Đặt vấn đề

Dạy và học tiếng Anh trong trường mầm non là một chủ đề thu hút rất nhiều sự quan tâm của các nhà chuyên môn nói chung cũng như các bậc phụ huynh có con em trong độ tuổi mầm non nói riêng. Mặc dù chưa có khảo sát chính thức bao nhiêu trẻ mầm non Việt Nam đang được làm quen với tiếng Anh tại trường học, tại trung tâm hay tại gia đình nhưng với con số hơn 1000 trung tâm dạy ngoại ngữ trong toàn quốc tính từ năm 2016 [1] đến nay đã cho thấy việc dạy và học tiếng Anh đang lan tỏa rộng khắp mọi miền đất nước đồng thời cũng là minh chứng đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng của các bậc phụ huynh cho con em tiếp cận với môi trường tiếng Anh. Vậy một môi trường tiếng Anh phù hợp với đặc điểm tâm, sinh lí và nhu cầu của trẻ nhất thiết phải có một phương pháp dạy học hiệu quả. J.A Komensky - "nhà giáo dục của mọi thời đại" đã nhấn mạnh rằng: "Mục tiêu đầu tiên và cuối cùng của lí luận dạy học của chúng ta là phải tìm ra và nhận biết phương pháp dạy học, ở phương pháp nào giáo viên (GV) ít phải dạy hơn, tuy nhiên học sinh lại học nhiều hơn, và ở phương pháp nào mà bầu không khí trong các trường học ít sự ồn ào, buồn tẻ và nỗ lực vô ích, có nhiều tự do, niềm vui và tiến bộ thực sự hơn" (theo Didactica Magna 1657) [2], phương pháp dạy học theo dự án (PPDHTDA) đã và đang được ứng dụng phổ biến trong các trường học từ cấp học mầm non đến đại học ở các nước tiên tiến trên thế giới.

2. Lịch sử nghiên cứu và phương pháp dạy học theo dự án

PPDHTDA (Project-Based Learning/Instruction) hay còn gọi tắt là "phương pháp dự án", được xây

dựng từ đầu thế kỉ XX bởi các nhà sư phạm Hoa Kỳ, nền tảng của phương pháp này chính là quan điểm dạy học thông qua làm (learning by doing). Đầu năm 1900, John Dewey, nhà triết lí - nhà cải cách giáo dục Hoa Kỳ đã nhấn mạnh: mỗi một cá nhân xây dựng kiến thức cho chính mình thông qua tương tác với môi trường, thực hiện điều tra, đàm thoại, các hoạt động trải nghiệm, đặc biệt là học để hình thành kiến thức mới và kiến thức mới được xây dựng dựa trên sự hiểu biết hiện tại của mỗi một cá nhân.

Mùa thu năm 1918, William Heard Kilpatrick đã xuất bản một tác phẩm có sức ảnh hưởng mạnh đến các nhà giáo dục trên thế giới "Phương pháp dự án". Tác phẩm tập trung vào tầm quan trọng của việc người học tham gia vào học tập, học tập có mục đích dựa trên sự lựa chọn của người học. Mục đích của phương pháp này là thúc đẩy động cơ của người học bằng cách cho phép người học xác định mục đích mà họ muốn theo đuổi. Phản biện lại tác phẩm này, Dewey đã khẳng định: ngoài việc thôi thúc động cơ tham gia của người học trong học tập thì học thông qua dự án giúp người học đạt được kĩ năng tư duy, xây dựng kế hoạch, thực hiện và tự đánh giá công việc của mình.

PPDHTDA là một phương pháp tận dụng các dự án lấy người học làm trung tâm để phát huy tối đa khả năng học tập của người học (Mergendoller, 2006 được trích dẫn bởi Margaret Holn [3]). Phương pháp này ưu thế hơn các phương pháp dạy học truyền thống trong việc nâng cao các kĩ năng giải quyết vấn đề, kĩ năng

* Trưởng Cao đẳng Sư phạm Trung ương

tư duy và sự gắn kết của người học trong nhiệm vụ học tập của họ (Berends, Boersma, Weggemann, 2003; Scarborough, Bresnen, Edemann, Laurent, Newell, Swann, 2004; Tsang, 1997, được trích dẫn bởi Margaret Holn). PPDHTDA đã từng được sử dụng phổ biến trong các lĩnh vực y học, khoa học, công nghệ, công trình và toán học từ những năm 1970 cho các học viên lớn nhưng gần đây phương pháp này đã được phát triển mở rộng ở các chuyên ngành khác nhau từ cấp học mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông và giáo dục đại học trên toàn thế giới.

Có rất nhiều các nghiên cứu khác nhau đưa ra những đặc điểm, đặc trưng của PPDHTDA, tựu chung lại thì phương pháp này bao gồm 5 đặc điểm cụ thể như sau: - Sử dụng dự án để tập trung vào nội dung trọng tâm của chương trình học tập của người học. Các dự án trở thành phương tiện cơ bản cho việc học nội dung và đánh giá; - Dự án được dựa trên câu hỏi chủ chốt hay còn gọi là câu hỏi định hướng (Blumenfield v.v., 1991), câu hỏi định hướng này phải phù hợp hay kết nối được với nội dung học tập và được đưa ra nhằm tạo ra sự tham gia tối ưu của người học và thúc đẩy sự theo đuổi có ý thức để giải quyết vấn đề; - Dự án kết nối sự tham gia của người học theo những cách: phát hiện vấn đề, xây dựng và thiết kế các giải pháp và tạo ra một sản phẩm kết thúc như bài thuyết trình, bài báo cáo, can thiệp hay một mô hình; - Dự án lấy người học làm trung tâm ở phạm vi lớn nhất như có thể, GV đóng vai trò như là những nguồn lực, người điều phối và hướng dẫn, nhưng chính người học là đối tượng xác định, lựa chọn và thực hiện dự án của mình; - Các dự án được xây dựng dựa trên những ý tưởng thực tế và những vấn đề thực hơn là dựa trên những bài tập học thuật và sự theo đuổi đam mê, các dự án thể hiện những nỗ lực rõ ràng trong việc giải quyết hay điều tra những vấn đề nan giải của thế giới hiện tại, (theo báo cáo nghiên cứu về phương pháp dạy học dự án của Thomas (2000) [4] và phân báo cáo nghiên cứu của Margaret Holm [5]).

3. Lợi ích của phương pháp dạy học theo dự án

Thomas (2000) và Kilpatrick (1918) mặc dù cách nhau hàng thập niên đều khẳng định rằng phương pháp dự án nhấn mạnh chiều sâu của quá trình học tập, động cơ bên trong của người học và quá trình học hỏi một cách hệ thống và lấy người học làm trung tâm được coi như là lợi ích chủ chốt của phương pháp này.

Penuel & Means, 2000; Stepien, Gallagher & Workman, 1993 đã chứng minh rằng người học học thông qua PPDHTDA lưu giữ được nội dung kiến thức

lâu hơn và có hiểu biết sâu hơn những gì đã học so với phương pháp dạy học theo bài giảng truyền thống.

Beckett & Miller, 2006; Boaler, 2002; Finkelstein, 2010; Greier, 2008; Mergendoller và cộng sự, 2006 cũng đã khẳng định ở những lĩnh vực nội dung cụ thể, PPDHTDA đã thể hiện hiệu quả hơn những phương pháp truyền thống trong về việc dạy toán, kinh tế, ngôn ngữ, khoa học và những chuyên ngành khác. Beckett & Miller, 2006 cùng một số các nghiên khác đã nhấn mạnh rằng học tập thông qua phương pháp dạy học dự án sẽ cải thiện tư duy phản biện của người học.

Boaler, 2002 và Penuel & Means, 2000 đã chỉ ra rằng PPDHTDA được coi là một chiến lược giảm bớt sự chênh lệch trong học tập bằng cách gắn kết những học sinh có kết quả học tập thấp trong các hoạt động học tập tích cực và chủ động hơn. Hixson, Ravitz & Whisman, 2012 đã cho biết PPDHTDA có thể áp dụng ở những trường học khác nhau và phục vụ đa dạng đối tượng người học.

Barron, 1998 và các tác giả khác cũng đã chứng minh phương pháp dự án có ảnh hưởng tích cực đến thái độ và tự ý thức của người học, giúp người học hứng thú với cách tiếp cận tích cực và thực tế với nội dung học tập, hiểu biết về các vấn đề môn học được nâng cao [5].

Aral và Bicacki và cộng sự, 2011 đã so sánh giữa hai phương pháp dạy học: PPDHTDA và phương pháp dạy học theo bài giảng truyền thống, kết luận rằng: người học theo phương pháp dự án có sự phát triển mạnh mẽ hơn về ngôn ngữ và khái niệm so với phương pháp truyền thống.

Mergendoller và cộng sự, 2006 [5] đã khẳng định phương pháp dự án có ảnh hưởng tích cực và hiệu quả đối với học sinh có kết quả học tập từ mức trung bình xuống yếu kém, giúp các em tiếp cận kiến thức dễ dàng hơn đồng thời GV ít phải sử dụng kỉ luật hơn.

Giáo sư ngôn ngữ Nell K. Duke (2016) [6] của trường Đại học Michigan, Hoa Kỳ đã trình bày nghiên cứu của mình về tầm quan trọng của phương pháp này trong việc thúc đẩy động cơ muốn đọc và muốn viết của học sinh, bà khẳng định phương pháp dự án được coi là một cầu nối hiệu quả giữa học sinh với các bài khóa chứa thông tin đồng thời phương pháp này không chỉ hiệu quả đối với học sinh có điều kiện kinh tế tốt mà còn rất thành công đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn cũng như học sinh khuyết tật.

Ardi Marwan (2015, Bỉ) [7] đã trình bày nghiên cứu của mình về việc kết hợp phương pháp dự án với công nghệ thông tin tăng cường khả năng học tập tiếng Anh của người học, đem lại niềm tin cho GV về

việc dạy và học có kết quả cao hơn so với phương pháp truyền thống.

Ruby Jackeline [8] (2013, Cộng Hòa Séc) đã chứng minh trong đề tài luận văn của mình về việc tăng cường động cơ, sự yêu thích việc học tiếng Anh của học sinh nông thôn thông qua phương pháp dự án. Erin Mikulec và đồng nghiệp (2011, Anh) đã khẳng định phương pháp dự án có thể được sử dụng để đạt được các mục tiêu của chương trình học và thúc đẩy học sinh học tập hiệu quả hơn.

Patrick Foss và đồng nghiệp (2007, Nhật Bản) [7] đã công bố trong nghiên cứu của nhóm: phương pháp dự án không chỉ kết hợp việc học tiếng Anh mà còn phát triển các kĩ năng khác, kết nối tiếng Anh với cuộc sống thực của người học trong một thế giới nỗ lực hợp tác để tạo ra những sản phẩm chất lượng.

Neo Tshani Mafunye (2015, Botswana) [8] theo giải thưởng học bổng trao đổi GV của Fullbright đã trình bày nghiên cứu của mình về việc dạy tiếng Anh cho học sinh ở những quốc gia không có môi trường tiếng Anh tự nhiên thông qua phương pháp dự án, đồng thời nhấn mạnh đây không chỉ là phương pháp tối ưu cho học sinh mà còn là hình thức đánh giá thay thế hiệu quả so với các phương pháp đánh giá truyền thống qua các bài kiểm tra chuẩn. Thông qua phương pháp này, GV tạo cơ hội cho mỗi một học sinh được phát huy tối đa khả năng của mình, đồng thời có thể xây dựng một bức tranh tổng thể về quá trình học tập của từng cá nhân học sinh.

Trong báo cáo nghiên cứu của mình (2000-2011) [4], tác giả Margaret đã tổng hợp 768 bài báo nghiên cứu về phương pháp dự án, trong đó tác giả tập trung vào 17 bài báo liên quan đến tính hiệu quả của phương pháp dự án dạy học từ cấp mầm non đến trung học phổ thông. Trong đó, bài báo nghiên cứu của Aral (2010) tại các trường mầm non công của Thổ Nhĩ Kỳ đã chứng minh trong thời gian thực hiện dạy học dự án, trẻ mầm non đã gặt hái được những kết quả tốt hơn so với phương pháp dạy học truyền thống. Beneke và Ostrosky (2008) nghiên cứu tại các trường mầm non công của Hoa Kỳ cho biết các GV báo cáo những kết quả tích cực của PPDHTDA, phần lớn GV đều đã cảm nhận được trẻ của họ thật sự thành công, có sự yêu thích và động cơ tích cực tiến bộ trong học tập từ việc chuyển đổi từ chơi chức năng sang chơi biểu tượng và GV rất hạn chế phải sử dụng hình thức kỉ luật đối với trẻ. Họ cũng cho biết dạy học dự án có thể đáp ứng những cách thức cho những trẻ có năng lực khác nhau để giúp các trẻ trở thành chuyên gia của lĩnh vực các em quan tâm. Họ

khẳng định rằng thông qua dạy học dự án, trẻ được trải nghiệm với vật thật ngay trong lớp học, thông qua chơi thật sự là hữu ích đối với trẻ. Bicaki và Gursoy (2010) nghiên cứu tại các trường mầm non tư của Thổ Nhĩ Kỳ đã cho biết trẻ học thông qua phương pháp dự án đã có kết quả đánh giá cao hơn sau khi sử dụng thang đánh giá của Brigance II về các mặt phát triển của trẻ đặc biệt là thành tích nổi trội về lĩnh vực ngôn ngữ tiếp nhận và ngôn ngữ diễn đạt.

4. PPDHTDA có thể là hướng tiếp cận tích cực cho việc dạy học tiếng Anh cho trẻ mầm non Việt Nam?

Nhiều nghiên cứu cho thấy rằng, càng cho trẻ tiếp cận ngôn ngữ mới sớm càng giúp trẻ đạt tiến bộ trong việc thụ đắc ngôn ngữ đó. Tuy nhiên, để đạt được kết quả này đòi hỏi phải có môi trường tiếng Anh tự nhiên nơi đó trẻ được nhún chìm trong môi trường nói của ngôn ngữ đích.

Ở Việt Nam thời gian trẻ tiếp xúc tiếng Anh chủ yếu là trên lớp học, trong khi đó Nation (2001) có giải thích rằng trẻ bản ngữ học tiếng Anh trước khi bước vào trường mầm non đã có khoảng 5000 từ vựng trong khi trẻ nói thứ tiếng không phải là tiếng Anh thì chỉ có một vài từ tiếng Anh ở thời điểm này [9]. Như vậy, khoảng cách giữa người bản ngữ nói tiếng Anh và người học tiếng Anh như là một ngoại ngữ là một khoảng cách lớn. Tuy nhiên, Nation (2001) cũng đã khẳng định rằng người học tiếng Anh như một ngôn ngữ thứ hai hay ngoại ngữ sẽ đạt được năng lực tiếng Anh đủ để học tập và làm việc trong môi trường anh ngữ nếu họ có sự hứng thú, động cơ học tập mạnh mẽ và duy trì việc học liên tục.

Vì vậy, hiện nay ở số một trường mầm non công cũng như trường tư đã thiết kế những chương trình tiếng Anh cho trẻ có thời lượng nhiều hơn. Ở trường công, trẻ học ở các lớp học theo nhu cầu xã hội có 3-4 buổi học tiếng Anh trong tuần (30-40 phút/1 buổi); tại một số những trường tư, buổi sáng trẻ học theo chương trình giáo dục mầm non của Bộ GD-ĐT bằng tiếng Việt; buổi chiều các trẻ vẫn tiếp cận nội dung đó nhưng bằng tiếng Anh. Với thời lượng học tiếng Anh nhiều hơn, các nhà sư phạm mong muốn trẻ có nhiều cơ hội trải nghiệm với ngôn ngữ này. Tuy nhiên, để việc học tiếng Anh hiệu quả còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác. Trẻ mầm non chưa xác định việc học như người lớn, chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ, thông qua chơi trẻ phát huy tối đa các năng lực của mình. Ngoài ra, hoạt động chơi phải thật sự “quyến rũ” và lôi cuốn trẻ, khiến trẻ tự nhận thấy được hoàn thành những “nhiệm vụ” này

một cách tự nguyện, có ý thức trách nhiệm làm đến cùng và cảm thấy tự hào khi được thể hiện những “sản phẩm” của mình với công chúng.

Như đã trình bày ở trên, sử dụng PPDHTDA mang lại rất nhiều lợi ích cho trẻ và đặc biệt phù hợp với những điều kiện trẻ ở môi trường không sử dụng tiếng Anh như là ngôn ngữ giao tiếp chính thức. Trẻ được trải nghiệm ngôn ngữ thông qua việc giải quyết một vấn đề có thật trong cuộc sống hay có một sự thôi thúc mạnh mẽ để tìm câu trả lời cho một câu hỏi. Phương pháp dự án rất đặc biệt trong khi trẻ chú trọng vào những hoạt động cô giải thích với mục đích là để đạt được mục tiêu dự án đề ra chứ không phải là buộc lắng nghe cô giảng là công việc thường nhật; hay trong khi trẻ cố gắng hoàn thành nhiệm vụ để đạt gần đến đích của dự án chứ không phải để được phần thưởng của cô cho như những hình dán stickers hay bông hoa hoặc để tránh bị phê bình hoặc trong khi hoạt động cá nhân hay khi hoạt động nhóm, trẻ tích cực tham gia với mục đích đóng góp - chia sẻ cùng với thành viên trong nhóm để cùng nhau đạt được mục đích đề ra thay vì chỉ chăm chú hoàn thành công việc của mình để báo cáo GV; ngay cả khi trẻ nỗ lực học hỏi, tìm kiếm tài liệu, minh chứng liên quan đến dự án để đạt được mục tiêu đề ra chứ không phải là GV hay người lớn yêu cầu trẻ làm vậy và thậm chí khi trẻ xem xét lại các công việc mình hoàn thành để giao tiếp rõ ràng và thuyết phục hơn với công chúng lúc thuyết trình thay vì chỉ để được đánh giá đạt hay chưa đạt thì trẻ lại có một cơ hội tuyệt vời hơn đó là đặc thụ tiếng Anh một cách tự nhiên và thoải mái nhất như có thể.

Đạy học theo phương pháp dự án cho trẻ cơ hội tích hợp nhiều chuyên ngành liên quan khiến trẻ có cái nhìn sâu và rộng về từng vấn đề, điều này giúp cho trẻ mở rộng kiến thức về thế giới trẻ đang sinh sống và học tập, đồng thời khi có vốn kiến thức này thì năng lực ngôn ngữ của trẻ cũng phát triển và ngược lại.

Tại trường mầm non tư Creative O Preschooler's Bay, Singapore do tiến sĩ Tan Beng Luân làm hiệu trưởng, nhà trường đã tiếp cận phương pháp dự án từ năm 2000 cho trẻ mẫu giáo, thông qua phương pháp này tiến sĩ Luân đã chia sẻ: “Trường học thật sự là niềm vui của trẻ bởi vì nơi đó trẻ được bày tỏ mong muốn được hiểu biết, được trải nghiệm; để có sự hiểu biết trẻ thực hiện các dự án và say mê hoàn thành dự án và công bố các sản phẩm của mình với các công chúng là bạn học, GV cùng trường với bố mẹ trẻ thông qua việc thuyết trình các sản phẩm của mình. Và đây

là những công việc thường nhật của các trẻ ở trường mầm non Creative O”.

5. Kết luận

Đạy tiếng Anh theo PPDHTDA cũng đã được thực hiện ở một số đề tài nghiên cứu khoa học cho các học sinh, sinh viên ở Việt Nam nhưng thật sự phương pháp này vẫn còn chưa được khai thác rộng rãi trong các trường học phổ thông nói chung cũng như các trường mầm non nói riêng ở Việt Nam. Quan điểm dạy học định hướng theo năng lực của người học đã phát triển mạnh mẽ từ những năm 90 của thế kỉ XX và ngày nay đã trở thành xu hướng giáo dục quốc tế. PPDHTDA là một trong những phương pháp đáp ứng hiệu quả định hướng này. Câu hỏi đặt ra là liệu phương pháp dự án có thể là cách tiếp cận phù hợp trong việc dạy tiếng Anh cho trẻ Việt Nam rất cần những nhà giáo dục quan tâm tìm hiểu để có thể ứng dụng hiệu quả phương pháp này. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Chính phủ (2008). *Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30/9/2008 về việc phê duyệt Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020”*.
- [2] Foss, Patrick - Carney, Nathaniel - McDonald, Kurtis - Rooks, Mathew (2007). *Project-Based Learning Activities for Short-Term Intensive English Programs*. Kwansei Gakuin University School of Science and Technology, Japan.
- [3] Nguyễn Quốc Hùng (2016). *Thầy Nguyễn Quốc Hùng chia sẻ về dạy-học tiếng Anh*. Báo điện tử đài tiếng nói Việt Nam (thứ 7, 06:20 ngày 8/10/2016).
- [4] Holm, Margaret (2011). *Project-Based Instruction: A review of the literature on effectiveness in prekindergarten through 12th grade classrooms*. Rivier Academic Journal, Volume 7, Number 2.
- [5] Jackeline, Ruby (2013). *English Teaching Through Project Based Learning Method in Rural Area*.
- [6] Mafunye, Neo Tshani (2015). *English Language Project-Based Learning in Deaf Education*. Fullbright Teacher Exchange Program.
- [7] Marwan, Ardi (2015). *Empowering English Through Project-Based Learning with ICT*. The Turkish Online Journal of Educational Technology, Volume 14, Issue 4.
- [8] Meier, Bernd - Nguyễn Văn Cường (2014). *Lí luận dạy học hiện đại*. NXB Đại học Sư phạm.
- [9] Thomas, John W. (2000) *A Review of Research on Project-Based Learning*. Buck Institute for Education.
- [10] Nation ISP, *Learning Vocabulary in Another Language* (2001). Cambridge University Press.
- [11] Duke, Nell K. (2016). *Project-Based Instruction-a Great Match to the Information Texts*. The University of Michigan.